TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng Văn Khiếu**

Ông Hoàng Đình Văn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Văn N.
- *Bị đơn:* Chị Hứa Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. *(Các đương sự vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-10-2024 và Bản tự khai ngày 19-11-2024, nguyên đơn là anh Trịnh Văn N trình bày:

Anh và chị Hứa Thị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L ngày 31 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống từ khi chị Hậu đi làm ăn xa không quan tâm đến gia đình nữa. Nên hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn tình cảm gì với nhau nữa. Vì vậy anh Trịnh Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Hứa Thị H.

Về con chung, Anh Trịnh Văn N xác định giữa hai người có một con chung là cháu Trịnh Hoàng H1 - sinh ngày 21-8-2012, cháu Trịnh Hoàng H1 hiện đang

sống cùng anh Trịnh Văn N tại thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Anh Trịnh Văn N đề nghị được trục tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Hứa Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện tại chị H đi làm xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm con. Anh Trịnh Văn N hiện đang làm lao động tự do tại địa phương thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Anh hoàn toàn đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Trịnh Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16-11-2024 và *các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn là chị Hứa Thị H trình bày:*

Chị và anh Trịnh Văn N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L ngày 31-10-2011. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hoà hợp. Vợ chồng đã sống ly thân được từ năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Trịnh Văn N có yêu cầu xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị nhất trí ly hôn.

Về con chung, chị Hứa Thị H xác định giữa hai người có một con chung là cháu Trịnh Hoàng H1 - sinh ngày 21-8-2012. Hiện nay cháu đang sống cùng anh Trịnh Văn N tại thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho anh Trịnh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng chị không cấp dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hứa Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề đạt nguyện vọng ngày 20-11-2024, cháu Trịnh Hoàng H1 thể hiện nguyện vọng được ở cùng bố là anh Trịnh Văn N nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 26-11-2024 và ngày 03-12-2024, Toà án nhân dân huyện L tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do chị Hứa Thị H vắng mặt nên phiên họp không thể tiến hành được.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên toà: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên toà, các đương sự có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Toà án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L cấp ngày 31-10-2011. Thể hiện việc kết hôn giữa Anh Trịnh Văn N và chị Hứa Thị H là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn thì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng không thể hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân. Nên có đủ căn cứ để khẳng định hôn nhân của vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho anh Trịnh Văn N ly hôn với chị Hứa Thị H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các giấy khai sinh, thể hiện: Anh Trịnh Văn N và chị Hứa Thị H có 01 con chung là cháu Trịnh Hoàng H1 - sinh ngày 21-8-2012. Các đương sự đều thể hiện nguyện vọng giao cháu Trịnh Hoàng H1 cho anh Trịnh Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Sự thống nhất của các đương sự về con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Trịnh Hoàng H1 và phù hợp với thực tế hiện nay cháu đang được anh Trịnh Văn N nuôi dưỡng. Vì vậy, cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để giao con theo nguyện vọng của các đương sự. Do anh Trịnh Văn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên chị Hứa Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[[3] Về án phí: Nguyên đơn, anh Trịnh Văn N có yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Hứa Thị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Hứa Thị H nhất trí với các yêu cầu của anh Trịnh Văn N đưa ra. Do các đương sự cùng đề nghị xử vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng cần ghi nhận việc các bên thống nhất được về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Trịnh Văn N

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn N được ly hôn với chị Hứa Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Hoàng H1 - sinh ngày 21-8-2012 cho anh Trịnh Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Hứa Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị Hứa Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn N phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001266 ngày 08-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Anh Trịnh Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 225.000 đồng đã nộp.

Chị Hứa Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trịnh Văn N, chị Hứa Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Dũng